TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 01/2021/DS – ST
Ngày: 14/01/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 14/01/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2020/TLST – DS ngày 14 tháng 02 năm 2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST – DS ngày 23/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Huy C, sinh năm: 1947
Địa chỉ: Số nhà 839, Đường Mỹ Phước Tân vạn, KP Châu Thới, TX Dĩ An, tỉnh Bình D.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Bùi Huy D, sinh năm: 1971 (có mặt)
Địa chỉ: KP Ninh Thành, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Hoài P, sinh năm: 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số nhà 56, Đường 7/4, KP Ninh Phước, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2.2. Bà Trần Thanh T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 03, KP Ninh Phú, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,

người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Huy D trình bày:

Vào ngày 06/9/2013, ông C có cho ông Trần Thanh T mượn số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ 1 tháng, thời hạn vay là 5 tháng sẽ trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ. Bà T có viết giấy mượn tiền đề ngày 06/9/2013 và cùng ông Trần Hoài P ký tên. Khi vay tiền, bà T có gửi cho ông C một cuốn sổ giao khoán đất lâm nghiệp, thuộc ban quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh quản lý mang tên Trần Hoài P để làm tin. Sau khi mượn tiền, bà T có trả cho ông C một vài lần tiền lãi nhưng chính xác bao nhiêu thì ông C không nhớ rõ. Nay đã quá thời hạn trả tiền nhưng bà T, ông P vẫn chưa trả tiền cho ông C mặc dù ông C đã yêu cầu bà T, ông P trả tiền nhiều lần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D trình bày bà T đã trả cho ông C số tiền gốc 250.000.000đ (*Hai trăm năm mười triệu đồng*), ông D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà T, ông P trả cho ông C số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu trả tiền lãi.

Nay tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ôn Bùi Huy D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà T, ông P trả cho ông C số tiền gốc 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu trả tiền lãi. Đối với 01 cuốn sổ giao khoán đất lâm nghiệp đứng tên ông Trần Hoài P, khi mượn tiền bà T gửi cho ông C để làm tin, tại phiên tòa ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thanh T vắng mặt, căn cứ bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thanh T trình bày:

Vào ngày 06/9/20213, bà T, ông P có mượn của ông Bùi Huy C số tiền là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) để làm ăn buôn bán, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ 1 tháng, thời hạn vay là 5 tháng sẽ trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ. Bà T có viết giấy mượn tiền đề ngày 06/9/2013 và cùng ông Trần Hoài P ký tên. Do làm ăn thua lỗ nên bà T vẫn chưa trả hết tiền cho ông C, chỉ trả được tiền lãi hàng tháng. Năm 2015, bà T và ông P xảy ra mâu thuẫn không thể sống chung với nhau được nên đã ly hôn theo quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số : 178/2015/QĐST - HNGĐ ngày 19/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh. Từ ngày mượn tiền đến ngày 12/3/2020 bà T đã trả cho ông C số tiền 250.000.000đ, còn lại số tiền 250.000.000đ không liên quan đến bà T mà là trách nhiệm của ông P.

Bị đơn ông Trần Hoài P vắng mặt, căn cứ biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Hoài P trình bày:

Trước đây ông P và bà T là vợ chồng, năm 2015 thì ông P và bà T đã ly hôn theo theo quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số : 178/2015/QĐST - HNGĐ ngày 19/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh. Trong thời gian sống chung, vào ngày 06/9/2013, ông P và bà T có vay của ông Bùi Huy C số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay là 5 tháng sẽ trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ, bà T có viết giấy vay tiền đề ngày 06/9/2013, ông P và bà T có ký tên, tuy nhiên bà T là người nhận toàn bộ số tiền 500.000.000đ và sử dụng như thế nào thì ông P không biết. Hiện nay bà T còn nợ của ông C bao nhiêu thì ông P không biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét sử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn đã chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Việc kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T và ông P phải trả cho ông C số tiền 250.000.000đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Bị đơn chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Bùi Huy C có đơn khởi kiện đối với ông Trần Hoài P, bà Trần Thanh T về việc yêu cầu trả số tiền vay. Xét ông P cư trú tại KP Ninh Phước, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước bà bà T cư trú tại KP Ninh Phú, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt : Tòa án đã cho bà T viết bản tự khai và ông P Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp cho bị đơn ông P và bà T đã nhận giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải và xét xử, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định .

Về nội dung :

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Huy C yêu cầu ông Trần Hoài P, bà Trần Thanh T liên đới trả cho ông C số tiền gốc 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về chứng cứ nguyên đơn cung cấp : 01 biên nhận mượn tiền có chữ ký của ông Trần Hoài P và bà Trần Thanh T mượn số tiền 500.000.000đồng, trong quá trình giải quyết bà T đã có bản tự khai thừa nhận là đã trả được số tiền gốc là

250.000.000đồng và thừa nhận còn nợ số tiền 250.000.000đồng bà T cho rằng số tiền này là phần của ông Trần Hoài P không liên quan gì đến phần của bà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận là bà T đã trả được một số tiền lãi và số tiền gốc là 250.000.000đồng, tại phiên tòa ông D chỉ yêu cầu bà T và ông P trả số tiền gốc là 250.000.000đồng và không yêu cầu tính tiền lãi suất. Đối với 01 cuốn sổ giao khoán đất lâm nghiệp đứng tên ông Trần Hoài P, khi mượn tiền bà T gửi cho ông C để làm tin, tại phiên tòa ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số : 178/2015/QĐST - HNGĐ ngày 19/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh có ghi " ....*Tài sản chung và các khoản nợ chung chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết*".

Xét thấy việc bà Trần Thanh T cho rằng khi mượn số tiền 500.000.000đồng đã trả cho ông C được 250.000.000 đồng, còn lại số tiền 250.000.000đồng là của ông Trần Hoài P là không có cơ sở, vì khi mượn tiền hai vợ chồng cùng ký, trong thời gian vợ chồng đang sống chung, các đương sự không có văn bản thỏa thuận nào là mỗi bên phải chịu trả ½ số tiền mượn, Ông Trần Hoài P thừa nhận khi mượn tiền có ký nhận, còn số tiền bà T sử dụng như thế nào ông không biết là không phù hợp, đây là số nợ của vợ chồng mượn tiền trong lúc đang còn chung sống, khi ly hôn chưa giải quyết số nợ này cho nên cần buộc cả bà Trần Thanh T và ông Trần Hoài P phải liên đới có trách nhiệm trả nợ chung là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về tiền lãi: Ông D là người được ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Hoài P, bà Trần Thanh T chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 275, 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Huy C.

Buộc ông Trần Hoài P, bà Trần Thanh T liên đới trả cho ông Bùi Huy C số tiền

250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Về án phí: Buộc ông Trần Hoài P, bà Trần Thanh T liên đới chịu 12.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử P thẩm .

<u>Nơi nhận</u> :
-TAND tỉnh Bình Phước
-VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thi